TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 141/2022/HNGĐ-ST Ngày: 30-12-2022 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 528/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1984 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Tô Hữu P, sinh năm: 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà H và ông P tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2005, ngày 18/02/2006. Hôn nhân của vợ chồng bà là do tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P thường xuyên ăn nhậu, không có trách nhiệm với gia đình, bà H phải một mình chăm sóc con cái, chăm lo mọi chuyện trong gia

đình. Mặc dù bà H đã trao đổi với ông P nhiều lần để tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông P.

Về nuôi con chung: bà H và ông P chung sống có 03 người con chung tên Tô Hồng T, sinh ngày 25/12/2005; Tô Trọng P, sinh ngày 21/7/2007 và Tô Minh A, sinh ngày 08/01/2013. Bà H yêu cầu được nuôi cả 03 con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H xác định bà và ông P không có tài sản chung và không có nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Tô Hữu P. Ông P không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của bà H, không nộp tài liệu, chứng cứ và cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tô Hữu P, ông P có nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Tô Hữu P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: bà Lê Thị H và ông Tô Hữu P có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2005, ngày 18/02/2006, nên xác định hôn nhân giữa bà H và ông P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H trình bày, sau khi cưới nhau, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P thường xuyên ăn nhậu, không có trách nhiệm với gia đình, bà H phải một mình chăm sóc con cái, chăm lo mọi chuyện trong gia đình. Mặc dù bà H đã trao đổi với ông P nhiều lần để tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Đối với ông P, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông P nhưng ông P không có ý kiến phản hồi và cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án. Điều này chứng tỏ ông P không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà H. Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông P. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và

ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông P.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà H và ông P chung sống có 03 người con chung tên Tô Hồng T, sinh ngày 25/12/2005; Tô Trọng P, sinh ngày 21/7/2007 và Tô Minh A, sinh ngày 08/01/2013. Bà H yêu cầu được nuôi cả 03 con. Về phía ông P, ông P lại không có ý kiến phản hồi đối với vấn đề này. Hội đồng xét xử xét thấy, bà H yêu cầu được nuôi cả 03 người con chung là phù hợp với nguyện vọng của cả 03 con được tiếp tục chung sống với bà H; phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao 03 người con chung cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà H không có yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, còn ông P không có ý kiến phản hồi đối với vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày bà và ông P không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông P không có ý kiến phản hồi về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Tô Hữu P.

1. Về hôn nhân: bà Lê Thị H được ly hôn với ông Tô Hữu P.

2. Về nuôi con chung: giao cho bà Lê Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung tên Tô Hồng T, sinh ngày 25/12/2005; Tô Trọng P, sinh ngày 21/7/2007 và Tô Minh A, sinh ngày 08/01/2013. Ông Tô Hữu P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000836 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thủy Tiên